

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Ngành:	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Trung Quốc
Mã ngành:	8140111
Nhóm ngành:	Khoa học giáo dục
Định hướng chương trình:	Nghiên cứu
Khoa đào tạo:	Tiếng Trung

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc</u>
--	--

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Ngành:	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Trung Quốc
Mã ngành:	8140111
Nhóm ngành:	Khoa học giáo dục
Định hướng chương trình:	Nghiên cứu
Khoa đào tạo:	Tiếng Trung

1. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu đào tạo

1.1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo thạc sĩ Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Trung Quốc có phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp, được trang bị đầy đủ kiến thức chuyên sâu về khoa học ngôn ngữ, lý luận và phương pháp dạy học để nghiên cứu, làm việc trong môi trường giáo dục và độc lập thực hiện nghiên cứu về các lĩnh vực chuyên môn thuộc ngành Lý luận và phương pháp giảng dạy bộ môn tiếng Trung Quốc.

1.1.2. Mục tiêu cụ thể

- Đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và tác phong làm việc chuyên nghiệp
- Trang bị cho người học tư duy phản biện khoa học và giải quyết vấn đề sáng tạo, thích ứng với những thay đổi trong bối cảnh nghề nghiệp và xã hội.
- Trang bị cho người học năng lực tự chủ và phát triển chuyên môn để quản trị và quản lí để tổ chức hoạt động chuyên môn hiệu quả, và đề xuất được các sáng kiến mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn.

- Trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng chuyên ngành và liên ngành để nghiên cứu, giải quyết các vấn đề chuyên sâu về Lý luận và thực tiễn trong giảng dạy tiếng Trung Quốc.

1.2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mã CDR	Mô tả
PHẨM CHẤT	
PLO 1	Thể hiện được phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và tác phong làm việc chuyên nghiệp
PI.1.1	<i>Thể hiện được phẩm chất đạo đức nghề nghiệp</i>
PI.1.1.1	Tuân thủ các chuẩn mực đạo đức trong học tập, làm việc
PI.1.1.2	Thể hiện nghiêm chỉnh trách nhiệm và nghĩa vụ trong học tập, làm việc theo quy định (của Đảng, Nhà nước, cơ quan, tổ chức)
PI.1.2	<i>Thể hiện được tác phong làm việc chuyên nghiệp</i>
PI.1.2.1	Chủ động tìm hiểu về tác phong làm việc chuyên nghiệp liên quan đến nghề
PI.1.2.2	Ứng xử một cách chuyên nghiệp trong các tình huống nghiên cứu, làm việc
NĂNG LỰC CHUNG	
PLO 2	Phản biện một cách khoa học và giải quyết vấn đề sáng tạo
PI.2.1	<i>Phản biện các vấn đề một cách khoa học</i>
PI.2.1.1	Xác định vấn đề cần phản biện một cách chủ động
PI.2.1.2	Lập luận một cách khoa học với các luận cứ, luận chứng thuyết phục để phản biện vấn đề
PI.2.2	<i>Giải quyết vấn đề một cách sáng tạo</i>
PI.2.2.1	Xác định được phương thức giải quyết vấn đề một cách sáng tạo
PI.2.2.2	Thực hiện phương thức đã lựa chọn để giải quyết vấn đề một cách linh hoạt, sáng tạo
PLO 3	Tự chủ trong quản lý và phát triển chuyên môn
PI.3.1	<i>Đề xuất được các sáng kiến mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn</i>
PI.3.1.1	Phân tích được các định hướng cải tiến lĩnh vực chuyên môn

Mã CDR	Mô tả
PI.3.1.2	Đề xuất được các sáng kiến hướng đến tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn
PI.3.2	<i>Thích ứng và hướng dẫn người khác thực hiện được hoạt động chuyên môn</i>
PI.3.2.1	Thích ứng và tự định hướng được hoạt động chuyên môn
PI.3.2.2	Hướng dẫn người khác thực hiện hoạt động chuyên môn một cách hiệu quả
PI.3.3	<i>Vận dụng các kiến thức về quản trị và quản lý để tổ chức hoạt động chuyên môn hiệu quả</i>
PI.3.3.1	Xác định được các biện pháp để quản trị, quản lý hoạt động chuyên môn
PI.3.2.2	Lựa chọn được các biện pháp khả thi để quản trị và quản lý hiệu quả hoạt động chuyên môn
NĂNG LỰC CHUYÊN NGÀNH	
PLO 4. Vận dụng kiến thức, kĩ năng chuyên ngành và liên ngành để giải quyết các vấn đề nghiên cứu chuyên ngành hiệu quả.	
PI.4.1	<i>Vận dụng kiến thức về ngôn ngữ học, tâm lý học, văn học, văn hóa và liên văn hóa để giải quyết các vấn đề lí luận và thực tiễn trong giảng dạy tiếng Trung Quốc.</i>
PI.4.1.1	Sử dụng kiến thức về ngôn ngữ học, tâm lý học để giải quyết các vấn đề lí luận và thực tiễn trong giảng dạy tiếng Trung Quốc.
PI.4.1.2	Sử dụng kiến thức về văn học, văn hóa và liên văn hóa để giải quyết các vấn đề lí luận và thực tiễn trong giảng dạy tiếng Trung Quốc.
PI.4.2	<i>Vận dụng kiến thức về lí luận dạy học chuyên ngành để giải quyết các vấn đề lí luận và thực tiễn trong giảng dạy tiếng Trung Quốc.</i>
PI.4.2.1	Sử dụng kiến thức về phương pháp giảng dạy bình diện ngôn ngữ để giải quyết các vấn đề lí luận và thực tiễn trong giảng dạy tiếng Trung Quốc.
PI.4.2.2	Sử dụng phương pháp giảng dạy kĩ năng ngôn ngữ để giải quyết các vấn đề lí luận và thực tiễn trong giảng dạy tiếng Trung Quốc.
PI.4.2.3	Sử dụng kiến thức về đánh giá, phát triển chương trình để giải quyết các vấn đề lí luận và thực tiễn trong giảng dạy tiếng Trung Quốc.
PLO 5. Thực hiện nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực chuyên ngành hiệu quả	

Mã CDR	Mô tả
PI.5.1	<i>Vận dụng kiến thức chuyên ngành, liên ngành để phân tích những vấn đề ngôn ngữ trong giảng dạy tiếng Trung Quốc.</i>
PI.5.1.1	Sử dụng kiến thức ngôn ngữ học đối chiếu, văn hóa và liên văn hóa để phân tích các hiện tượng ngôn ngữ trong giảng dạy tiếng Trung Quốc.
PI.5.1.2	Sử dụng kiến thức lý thuyết thụ đắc ngôn ngữ, tâm lý học ngôn ngữ để phân tích các hiện tượng thụ đắc ngôn ngữ trong giảng dạy tiếng Trung Quốc.
PI.5.2	<i>Vận dụng được các kiến thức chuyên ngành, liên ngành để đánh giá những vấn đề ngôn ngữ trong giảng dạy tiếng Trung Quốc.</i>
PI.5.2.1	Sử dụng kiến thức ngôn ngữ học đối chiếu, văn hóa và liên văn hóa để đánh giá các hiện tượng ngôn ngữ trong giảng dạy tiếng Trung Quốc.
PI.5.2.2	Sử dụng kiến thức lý thuyết thụ đắc ngôn ngữ để đánh giá các hiện tượng thụ đắc ngôn ngữ trong giảng dạy tiếng Trung Quốc

1.3. Cơ hội việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

Giảng dạy và nghiên cứu trong các trường đại học có giảng dạy tiếng Trung Quốc, làm việc trong các viện nghiên cứu giáo dục và làm công tác quản lý chuyên môn tại các cơ sở đào tạo.

Có thể làm việc tại các vị trí chuyên gia tư vấn trong lĩnh vực giáo dục tiếng Trung Quốc.

1.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Tiếp tục học lên bậc cao hơn thuộc các chuyên ngành Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Trung Quốc, Ngôn ngữ học và Giáo dục học.

Thực hiện các nghiên cứu sâu hoặc có công trình nghiên cứu khoa học được công bố trên các tạp chí và hội thảo ngành.

1.5. Thời gian đào tạo: 2 năm

1.6. Tổng số tín chỉ: 61 tín chỉ

1.7. Thang điểm

a) Điểm học phần là điểm trung bình có trọng số của các điểm kiểm tra thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần (tổng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thi kết thúc học phần đã nhân với trọng số tương ứng của từng điểm được quy định

trong đề cương chi tiết học phần). Điểm học phần được làm tròn đến hai chữ số thập phân sau dấu phẩy, sau đó được chuyển thành điểm chữ.

Loại	Thang điểm 10	Thang điểm chữ
Đạt	Từ 8,5 đến 10	A
	Từ 7,8 đến cận 8,5	B ⁺
	Từ 7,0 đến cận 7,8	B
	Từ 6,3 đến cận 7,0	C ⁺
	Từ 5,5 đến cận 6,3	C
Không đạt	Dưới 5,5	D

b) Điểm chữ của học phần được quy đổi về thang điểm 4 của học phần, cụ thể;

Thang điểm chữ	Thang điểm 4
A	4,0
B ⁺	3,5
B	3,0
C ⁺	2,5
C	2,0
D ⁺	1,5
D	1,0
F ⁺	0,5
F	0,0

c) Các trường hợp đặc biệt sử dụng các điểm chữ xếp loại, không được tính vào điểm trung bình học tập:

I: Điểm chưa hoàn thiện do được phép hoãn thi, kiểm tra;

X: Điểm chưa hoàn thiện do chưa đủ dữ liệu;

R: Điểm học phần được miễn học và công nhận tín chỉ.

1.8. Các chương trình đối sánh, tham khảo

- Tên trường: Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Tên chương trình: Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Trung Quốc

Link chương trình tham khảo:

<https://saudaihoc.ulis.vnu.edu.vn/khung-chuong-trinh-va-chuan-dau-ra-dao-tao-thac-si-nam-2015/>

- Tên trường: Trường Đại học Sư phạm Quảng Tây

Tên chương trình: Giáo dục Hán Ngữ Quốc tế

Link chương trình tham khảo: <http://www.cice.gxnu.edu.cn/1136/list.htm>

2. TUYỂN SINH

2.1. Phương thức: Có 2 phương thức: Thi tuyển hoặc xét tuyển

2.2. Đối tượng tuyển sinh

2.2.1. Điều kiện dự tuyển

+ Về văn bằng

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành đúng, ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển; ngành gần, ngành khác với ngành đăng ký dự tuyển phải có Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh cấp hoặc tương đương trở lên;

b) Đối với người đăng ký dự tuyển vào chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu phải tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

c) Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

+ **Về năng lực ngoại ngữ:** Người dự tuyển phải đáp ứng một trong các yêu cầu về năng lực ngoại ngữ sau:

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài;

b) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học trở lên mà chương trình đào tạo được thực hiện bằng ngôn ngữ nước ngoài;

c) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học trở lên mà các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành của chương trình đào tạo được thực hiện bằng ngôn ngữ nước ngoài;

d) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học trở lên do Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh cấp trong thời gian không quá 02 năm (24 tháng) có chuẩn đầu ra về ngoại ngữ của chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu về năng lực ngoại ngữ dự tuyển chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ;

đ) Có chứng chỉ ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, trong thời hạn 2 năm (24 tháng) tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển;

e) Có một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, trong thời hạn 2 năm (24 tháng) tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển;

g) Có điểm đạt từ 50% trở lên đối với thang điểm của bài thi đánh giá năng lực ngoại ngữ tuyển sinh đầu vào do Trường tổ chức;

e) Người dự tuyển là công dân nước ngoài có nguyện vọng học tập tại Việt Nam phải đạt trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt, trong thời hạn 2 năm (24 tháng) tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển.

+ Về kinh nghiệm công tác chuyên môn

a) Người dự tuyển đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành gần, ngành khác với chuyên ngành Quản lý giáo dục phải có tối thiểu 2 năm (24 tháng) kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực giáo dục (gồm: bản sao có công chứng quyết định tuyển dụng hoặc bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động và giấy xác nhận hợp pháp của cơ quan công tác;

b) Người dự tuyển đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành đúng, ngành phù hợp với chuyên ngành Quản lý giáo dục hoặc các chuyên ngành tuyển sinh khác không yêu cầu về kinh nghiệm công tác chuyên môn.

+ Các yêu cầu khác

a) Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận;

b) Có đủ sức khoẻ để học tập và nghiên cứu;

c) Nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển đầy đủ, hợp lệ và đúng thời hạn theo quy định của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2.2. Phương thức thi tuyển:

Các môn thi tuyển gồm:

- Môn ngoại ngữ: Theo quy định của Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ và các văn bản hướng dẫn bổ sung.

- Môn cơ bản: Tiếng Trung Quốc hiện đại

- Môn cơ sở: Kỹ năng thực hành tiếng Trung Quốc

2.2.3. Xét tuyển:

Xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc đại học. Chi tiết được quy định trong Đề án tuyển sinh hiện hành của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

2.3. Điều kiện trúng tuyển

Thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định hiện hành của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

2.4. Chương trình bổ sung kiến thức

2.4.1. Danh sách các chuyên ngành phù hợp

2.4.2. Khung chương trình bổ sung kiến thức

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH
1		Tiếng Trung Quốc hiện đại	02	15	30
2		Kỹ năng thực hành tiếng Trung Quốc	02	15	30
Tổng số tín chỉ			04	30	60

3. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

a) Đã hoàn thành chương trình thuộc ngành đào tạo trong thời hạn đào tạo theo quy định;

b) Đã nộp và bảo vệ luận văn, đề án được Hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của người hướng dẫn hoặc tập thể người hướng dẫn và chủ tịch hội đồng về việc đã chỉnh sửa luận văn, đề án đúng và đủ theo kết luận của hội đồng;

c) Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

d) Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của Trường; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

4. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

4.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

Khối học phần	Tổng số tín chỉ	Tỉ lệ	Bắt buộc		Tự chọn	
			Số TC	Tỉ lệ	Số TC	Tỉ lệ
Kiến thức chung	5	8%	5	-	-	-
Kiến thức chuyên ngành	29	48%	20	68.97%	9	31.03%
Chuyên đề nghiên cứu	12	20%	12	-	-	-
Luận văn tốt nghiệp	15	24%	15	-	-	-
Tổng	61	100%	52		9	

4.2. Khung chương trình

Quy ước viết tắt trong bảng: TC: Tự chọn; LT: Lí thuyết; TH, TL: Thực hành, thảo luận; QT: Quá trình; TK: Tổng kết

T T	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	LT	TH , TL	Hệ số kiểm tra	
						QT	TK
I	KIẾN THỨC CHUNG		5				
1	08LPTQ1001	Triết học	4			0.4	0.6

2	08LPTQ100 2	Đạo đức nghiên cứu khoa học	1			0.5	0.5
II	KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH		29				
	Học phần bắt buộc		20				
3	08LPTQ200 1	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	1	1	0.4	0.6
4	08LPTQ200 2	Tâm lý ngôn ngữ học trong hoạt động dạy học ngoại ngữ	2	1	1	0.4	0.6
5	08LPTQ200 3	Lý luận thụ đắc ngôn ngữ thứ hai	2	1	1	0.4	0.6
6	08LPTQ200 4	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành	3	2	1	0.4	0.6
7	08LPTQ200 5	Từ vựng học tiếng Trung Quốc	3	2	1	0.4	0.6
8	08LPTQ200 6	Ngữ pháp học tiếng Trung Quốc	3	2	1	0.4	0.6
9	08LPTQ200 7	Ngữ âm - Văn tự học tiếng Trung Quốc	2	1	1	0.4	0.6
10	08LPTQ200 8	Ngôn ngữ học đối chiếu Trung - Việt	3	2	1	0.4	0.6
	Học phần tự chọn		9				
11	08LPTQ200 9	Phương pháp giảng dạy các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Trung Quốc	3	2	1	0.4	0.6
12	08LPTQ201 0	Phương pháp giảng dạy các bình diện ngôn ngữ tiếng Trung Quốc	3	2	1	0.4	0.6
13	08LPTQ201 1	Kiểm tra - đánh giá trong dạy học tiếng Trung Quốc	2	1	1	0.4	0.6
14	08LPTQ201 2	Tu từ học tiếng Trung Quốc	2	1	1	0.4	0.6
15	08LPTQ201 3	Nghiên cứu văn học Trung Quốc	2	1	1	0.4	0.6

16	08LPTQ201 4	Nghiên cứu văn hóa Trung Quốc	2	1	1	0.4	0.6
17	08LPTQ201 5	Ngôn ngữ học văn hoá Trung Quốc	3	2	1	0.4	0.6
18	08LPTQ201 6	Giao tiếp xuyên văn hóa	2	1	1	0.4	0.6
19	08LPTQ201 7	Lịch sử phương pháp giảng dạy ngoại ngữ	3	2	1	0.4	0.6
20	08LPTQ201 8	Phân tích và quản lý chương trình dạy học tiếng Trung Quốc	2	1	1	0.4	0.6
21	08LPTQ201 9	Xây dựng và phân tích kế hoạch bài dạy bộ môn tiếng Trung Quốc	2	1	1	0.4	0.6
22	08LPTQ202 0	Phương pháp luận giảng dạy ngôn ngữ thứ hai	3	2	1	0.4	0.6
III	CHUYÊN ĐỀ NGHIÊN CỨU		12				
23	08LPTQ300 1	Chuyên đề nghiên cứu 1	4				
24	08LPTQ300 2	Chuyên đề nghiên cứu 2	4				
25	08LPTQ300 3	Chuyên đề nghiên cứu 3	4				
IV	LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP		15				
26	08LPTQ5001	Luận văn tốt nghiệp	15				
	Tổng số tín chỉ		61				

5. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
Học kì 1 (Tổng cộng: 13 TC, bao gồm 09 tín chỉ bắt buộc và 04 tín chỉ tự chọn)		
a.	HP bắt buộc	9

08LPTQ100 1	Triết học	4
08LPTQ100 2	Đạo đức nghiên cứu khoa học	1
08LPTQ200 1	Dẫn luận ngôn ngữ học	2
08LPTQ200 2	Tâm lý ngôn ngữ học trong hoạt động dạy học ngoại ngữ	2
b.	HP tự chọn (chọn 4 TC)	4
08LPTQ201 6	Giao tiếp xuyên văn hóa	2
08LPTQ201 8	Phân tích và Quản lý chương trình dạy học tiếng TQ	2
08LPTQ201 3	Nghiên cứu văn học Trung Quốc	2
08LPTQ201 4	Nghiên cứu văn hóa Trung Quốc	2
Học kì 2 (Tổng cộng: 17 TC, bao gồm 14 tín chỉ bắt buộc và 3 tín chỉ tự chọn)		
	HP bắt buộc	14
08LPTQ200 3	Lý luận thụ đắc ngôn ngữ thứ hai	2
08LPTQ300 1	Chuyên đề nghiên cứu 1	4
08LPTQ200 5	Từ vựng học tiếng Trung Quốc	3
08LPTQ200 6	Ngữ pháp học tiếng Trung Quốc	3
08LPTQ200 7	Ngữ âm-Văn tự học tiếng Trung Quốc	2
	HP tự chọn (chọn 3 TC)	3

08LPTQ2020	Phương pháp luận giảng dạy ngôn ngữ thứ hai	3
08LPTQ2009	Phương pháp giảng dạy các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Trung Quốc	3
08LPTQ2010	Phương pháp giảng dạy các bình diện ngôn ngữ tiếng Trung Quốc	3
08LPTQ2017	Lịch sử phương pháp giảng dạy ngoại ngữ	3
08LPTQ2015	Ngôn ngữ học văn hoá Trung Quốc	3
Học kì 3 (Tổng cộng: 16 TC, bao gồm 14 tín chỉ bắt buộc và 02 tín chỉ tự chọn)		
	HP bắt buộc	14
08LPTQ2004	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành	3
08LPTQ2008	Ngôn ngữ học đối chiếu Trung – Việt	3
08LPTQ3002	Chuyên đề nghiên cứu 2	4
08LPTQ3003	Chuyên đề nghiên cứu 3	4
	HP tự chọn (chọn 02 TC)	2
08LPTQ2019	Xây dựng và phân tích kế hoạch bài dạy bộ môn tiếng Trung Quốc	2
08LPTQ2012	Tu từ học tiếng Trung Quốc	2
08LPTQ2011	Kiểm tra - đánh giá trong dạy học tiếng Trung Quốc	2
Học kì 4 (Tổng cộng: 15 TC, bao gồm 15 tín chỉ luận văn tốt nghiệp bắt buộc)		
08LPTQ5001	Luận văn tốt nghiệp	15

6. MÔ TẢ HỌC PHẦN

1. TRIẾT HỌC

- Số tín chỉ: 3
- Mã học phần: 08PPHH1001
- Nhóm học phần: Kiến thức chung

Học phần Triết học gồm 8 chương, trong đó gồm: chương mở đầu (chương 1: Khái luận về triết học) nhằm giới thiệu tổng quan về triết học và lịch sử triết học; 3 chương bao quát các nội dung cơ bản thuộc về thế giới quan và phương pháp luận chung của nhận thức và thực tiễn (chương 2: Bản thể luận, chương 3: Phép biện chứng, chương 4: Nhận thức luận); 4 chương bao quát các nội dung lí luận triết học về xã hội và con người (chương 5: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, chương 6: Triết học chính trị, chương 7: Ý thức xã hội, chương 8: Triết học về con người).

2. ĐẠO ĐỨC TRONG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

- Số tín chỉ: 1
- Mã học phần: 08PPHH1002
- Nhóm học phần: Kiến thức chung

Học phần thuộc khối kiến thức chung, góp phần giúp học viên đạt được chuẩn đầu ra chung của chương trình đào tạo thạc sĩ gồm: Thể hiện được phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và tác phong làm việc chuyên nghiệp; Phản biện một cách khoa học và giải quyết vấn đề sáng tạo. Học phần gồm 03 nội dung liên quan đến tổng quan về nghiên cứu khoa học; Đạo đức và các hành vi vi phạm đạo đức trong nghiên cứu khoa học; Quy định trích dẫn và kiểm tra đạo văn tại Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh và phần mềm trích dẫn Mendeley.

3. Học phần: DẪN LUẬN NGÔN NGỮ HỌC

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần: 08LPTQ2001
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành - Bắt buộc
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần Dẫn luận ngôn ngữ học là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức chuyên ngành, được giảng dạy vào học kỳ 1 (năm thứ 1) của chương trình đào tạo. Học phần gồm 11 phần lý thuyết và 11 phần bài tập, học phần này giúp người học hiểu rõ về ngôn ngữ và ngôn ngữ học, bản chất, chức năng, nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ, người học vận dụng được các kiến thức về ngôn ngữ như: Ngữ âm, từ vựng,

ngữ pháp, ngữ nghĩa, ngữ dụng, văn tự vào trong giao tiếp. Từ đó, người học có thể phát hiện và phân tích được các hiện tượng ngôn ngữ.

4. Học phần: TÂM LÝ NGÔN NGỮ HỌC TRONG HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC NGOẠI NGỮ

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần: 08LPTQ2002
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành - Bắt buộc
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần Tâm lý ngôn ngữ học trong hoạt động dạy học ngoại ngữ gồm 01 phần lý thuyết và 01 bài thuyết trình. Đây là học phần bắt buộc, dành cho học viên cao học chuyên ngành Lí luận phương pháp giảng dạy tiếng Trung Quốc định hướng nghiên cứu. Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về ứng dụng tâm lý học trong việc dạy và học ngoại ngữ trên bình diện cá nhân, giúp học viên nhận biết được các vấn đề trong hoạt động dạy học tiếng Trung bằng cách tiếp cận của tâm lý học, phân biệt sự khác nhau giữa thụ đắc và học tập ngoại ngữ, hiểu biết về vấn đề và các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình dạy học và thụ đắc tiếng Trung dưới góc độ tâm lý học. Người học cũng được tạo điều kiện thực hiện các bài tập cá nhân và bài tập thuyết trình theo nhóm nhằm nắm vững kiến thức được học. Trên cơ sở đó, người học có thể lý giải được một số hiện tượng ở người học tiếng Trung cũng như làm rõ cơ sở khoa học của các phương pháp dạy học tiếng Trung.

5. Học phần: LÝ LUẬN THỤ ĐẮC NGÔN NGỮ THỨ HAI

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần: 08LPTQ2003
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành - Bắt buộc
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần lý luận thụ đắc ngôn ngữ thứ hai gồm 7 phần lý thuyết, 1 phần thực hành. Học phần này là học phần bắt buộc thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo. Học phần giúp người học hiểu được các khái niệm cơ bản, nguồn gốc, đặc điểm, bản chất khoa học của lý thuyết thụ đắc ngôn ngữ; xác định và giải thích được các nguyên nhân xuất hiện trong quá trình thụ đắc ngôn ngữ thứ hai

của người học; vận dụng được kiến thức về ngôn ngữ học tâm lý, ngôn ngữ học tri nhận để phân tích các hiện tượng thụ đắc ngôn ngữ của người học trong giảng dạy.

6. Học phần: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CHUYÊN NGÀNH

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 08LPTQ2004
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành - Bắt buộc
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức chuyên ngành, được giảng dạy vào học kỳ 3 (năm thứ 2) của chương trình đào tạo. Học phần gồm 9 phần lý thuyết và 9 phần thảo luận, học phần này giúp người học nắm vững lý thuyết về phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành tiếng Trung Quốc. Từ đó, người học có thể vận dụng các lý thuyết đã học để tiến hành lựa chọn đề tài nghiên cứu, giới hạn phạm vi nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, phương pháp thu thập và xử lý tài liệu nghiên cứu, cách vận dụng lý luận để nghiên cứu, xây dựng cấu trúc luận văn, trình bày kết quả nghiên cứu.

7. Học phần: TỪ VỰNG HỌC TIẾNG TRUNG QUỐC

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 08LPTQ2005
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành - Bắt buộc
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần Từ vựng học tiếng Trung Quốc thuộc học phần kiến thức chuyên ngành. Học phần bao gồm 6 nội dung, bao gồm những kiến thức về Từ vựng tiếng Trung Quốc như cấu tạo của từ, nghĩa của từ, sự phát triển của từ trong tiếng Trung Quốc, Ngoài ra, học phần còn mở rộng đi sâu vào các vấn đề như nguồn gốc, đặc điểm về hình thức và nội dung của các ngữ cố định trong tiếng Trung Quốc, mối quan hệ giữa từ vựng và văn hóa Trung Quốc. Qua học phần này, người học có thể vận dụng kiến thức về từ vựng học để phân tích, giải quyết các vấn đề ngôn ngữ trong nghiên cứu và giảng dạy tiếng Trung Quốc.

8. Học phần: NGỮ PHÁP HỌC TIẾNG TRUNG QUỐC

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 08LPTQ2006
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành - Bắt buộc
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần Ngữ pháp học tiếng Trung Quốc là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức chuyên ngành, được giảng dạy vào học kỳ 2 (năm thứ 1) của chương trình đào tạo. Học phần gồm 2 phần là Từ pháp tiếng Trung Quốc (từ loại, ngữ, cấu tạo ngữ, phân tích ngữ) và Cú pháp tiếng Trung Quốc (câu đơn, câu phức, phân tích câu), học phần này giúp người học hiểu biết các kiến thức cần yếu về ngữ pháp tiếng Trung Quốc để phân tích, sử dụng ngôn từ chính xác, đạt hiệu quả giao tiếp và áp dụng vào công việc giảng dạy, nghiên cứu.

9. Học phần: NGỮ ÂM-VĂN TỰ HỌC TIẾNG TRUNG QUỐC

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần: 08LPTQ2007
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành - Bắt buộc
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần Ngữ âm - Văn tự học tiếng Trung Quốc là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức chuyên ngành, được giảng dạy vào học kỳ 2 (năm thứ 1) của chương trình đào tạo. Học phần gồm 2 phần: Phần 1 là Ngữ âm học tiếng Trung Quốc và phần 2 là Văn tự học tiếng Trung Quốc. Nội dung phần 1 giúp người học hiểu kiến thức về ngữ âm trong tiếng Trung Quốc như: thuộc tính ngữ âm, đơn vị ngữ âm, thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu, âm tiết, hiện tượng biến âm, ngôn điệu... Qua đó, người học có thể nâng cao năng lực phát âm chuẩn, vận dụng kiến thức đã học để phân tích các đơn vị ngữ âm của lời nói và hệ thống ngôn ngữ. Nội dung phần 2 giúp người học hiểu kiến thức về văn tự tiếng Trung Quốc như: Nguồn gốc, đặc điểm, kết cấu, hình dạng, âm đọc, ý nghĩa... của chữ Hán. Từ đó, người học có thể nhận diện và phân tích được các chữ Hán.

10. Học phần: NGÔN NGỮ HỌC ĐỐI CHIẾU TRUNG – VIỆT

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 08LPTQ2008

- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành - Bắt buộc
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần Ngôn ngữ học đối chiếu Trung – Việt là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức chuyên ngành, được giảng dạy trong chương trình đào tạo sau đại học chuyên ngành Lý luận và phương pháp giảng dạy bộ môn tiếng Trung Quốc định hướng nghiên cứu. Học phần cung cấp những kiến thức về ngôn ngữ học so sánh đối chiếu bao gồm: tổng quan về ngôn ngữ học so sánh đối chiếu, lý luận và phương pháp trong ngôn ngữ học so sánh đối chiếu, so sánh đối chiếu ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, ngữ dụng Trung - Việt... Trên cơ sở này, người học vận dụng được các kiến thức về so sánh đối chiếu phục vụ các mục đích xã hội, học thuật và chuyên môn và đặc biệt trong công tác giảng dạy.

11. Học phần: PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY CÁC KỸ NĂNG NGÔN NGỮ TIẾNG TRUNG QUỐC

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 08LPTQ2009
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành – Tự chọn
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần trong nhóm các học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần bao gồm 5 nội dung chính sau: Giới thiệu một số vấn đề lý luận về phương pháp giảng dạy các kỹ năng ngôn ngữ thứ hai nói chung và tiếng Trung nói riêng; Phương pháp giảng dạy kỹ năng Nghe, Phương pháp giảng dạy kỹ năng Nói, Phương pháp giảng dạy các kỹ năng Đọc, Phương pháp giảng dạy các kỹ năng Viết. Thông qua học phần người học có thể nắm bắt được các vấn đề về lý luận và phương pháp giảng dạy các kỹ năng ngôn ngữ nói chung và các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Trung nói riêng. Từ đó có khả năng vận dụng vào quá trình giảng dạy các kỹ năng cụ thể. Có khả năng thiết kế, thực hiện, đánh giá hoạt động giảng dạy các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Trung.

12. Học phần: PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY CÁC BÌNH DIỆN NGÔN NGỮ TIẾNG TRUNG QUỐC

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần: 08LPTQ2010

- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành – Tự chọn
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần trong nhóm các học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần bao gồm các 5 nội dung chính như sau: Giới thiệu các bình diện ngôn ngữ tiếng Trung và lý luận chung về phương pháp giảng dạy các bình diện ngôn ngữ tiếng Trung ;Phương pháp giảng dạy Ngữ âm ; Phương pháp giảng dạy Ngữ pháp ; Phương pháp giảng dạy Từ vựng ; Phương pháp giảng dạy chữ Hán. Thông qua học phần người học có thể nắm bắt được các vấn đề về lý luận và phương pháp giảng dạy các bình diện ngôn ngữ của ngôn ngữ thứ hai nói chung và các bình diện ngôn ngữ tiếng Trung nói riêng. Từ đó có khả năng vận dụng vào quá trình giảng dạy các bình diện ngôn ngữ cụ thể như : Ngữ âm ; Ngữ pháp; Từ vựng; Chữ viết . Có khả năng thiết kế, thực hiện, đánh giá hoạt động giảng dạy các bình diện ngôn ngữ tiếng Trung.

13. Học phần: KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ TRONG DẠY HỌC TIẾNG TRUNG QUỐC

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần: 08LPTQ2011
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành – Tự chọn
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần có 4 phần lý thuyết và 1 phần thực hành. Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn. Thông qua học phần, người học lĩnh hội được những vấn đề cơ bản về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học trong dạy học tiếng Trung Quốc, hình thành được các kỹ năng sư phạm cơ bản về phương pháp đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Ngoài ra, người học bước đầu tiếp cận những vấn đề liên quan đến quản lý chất lượng giáo dục, từ đó có những đề xuất nhằm hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục tại cơ sở.

14. Học phần: TU TỪ HỌC TIẾNG TRUNG QUỐC

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần: 08LPTQ2012
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành – Tự chọn
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không

- Nội dung:

Học phần Tu từ học tiếng Trung Quốc là học phần tự chọn nằm trong nhóm học phần nền tảng, được giảng dạy vào học kỳ 3 (học kỳ 1, năm 2) của chương trình đào tạo cao học chuyên ngành Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Trung Quốc. Học phần bao gồm 6 chương với các nội dung như: tu từ học, ngữ cảnh, hình thức ngữ âm, gọt giũa từ ngữ, cách sử dụng các phương tiện ngôn ngữ và ngữ thể. Qua học phần này, học viên có thể nắm bắt được các khái niệm quan trọng trong tu từ học và các quy luật tu từ trong tiếng Trung Quốc, nâng cao khả năng diễn đạt, năng lực lý giải tu từ, phục vụ cho công tác giảng dạy về sau.

15. Học phần: NGHIÊN CỨU VĂN HỌC TRUNG QUỐC

- Số tín chỉ: 02

- Mã học phần: 08LPTQ2013

- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành – Tự chọn

- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không

- Nội dung:

Học phần Nghiên cứu văn học Trung Quốc là học phần tự chọn nằm trong nhóm học phần nền tảng, được giảng dạy vào học kỳ 1 (học kỳ 1, năm 1) của chương trình đào tạo cao học chuyên ngành Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Trung Quốc. Nội dung là chuỗi các bài giảng chuyên đề được thiết kế một cách hệ thống, có quan hệ biện chứng về kiến thức, nhằm trang bị kiến thức tổng quan về lịch sử văn học Trung Quốc xuyên suốt từ thời kỳ cổ đại đến thời kỳ hiện đương đại; giới thiệu và phân tích một số hiện tượng văn học xuất hiện trong tiến trình hình thành và phát triển của văn học Trung Quốc qua các thời kỳ, qua đó trích giảng một số tác phẩm kinh điển và tiêu biểu trong suốt tiến trình lịch sử văn học Trung Quốc. Ngoài ra, học phần này còn giới thiệu một số kiến thức tổng quan ngành khoa học văn học như: Lý luận văn học, Mĩ học đại cương, Phê bình văn học... như những phương pháp và công cụ thiết thực để giúp học viên có khả năng nghiên cứu trong lĩnh vực văn học Trung Quốc.

16. Học phần: NGHIÊN CỨU VĂN HÓA TRUNG QUỐC

- Số tín chỉ: 02

- Mã học phần: 08LPTQ2014

- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành – Tự chọn

- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không

- Nội dung:

Học phần Nghiên cứu văn hoá Trung Quốc là học phần tự chọn nằm trong nhóm học phần nền tảng, được giảng dạy vào học kỳ 1 (học kỳ 1, năm 1) của chương trình đào tạo cao học chuyên ngành Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Trung Quốc. Nội dung chủ yếu của học phần là cung cấp cho học viên đặc trưng cơ bản của văn hóa truyền thống Trung Hoa thông qua việc tìm hiểu những chuyên đề như là: tư tưởng – triết học – tôn giáo, chế độ gia đình – xã hội, văn học, ẩm thực, hội họa, thư pháp, âm nhạc, công nghệ dân gian, khoa học kỹ thuật, kiến trúc... Thông qua kiến thức của những chuyên đề, học viên có thêm kiến thức bổ trợ để nghiên cứu ngôn ngữ, từ đó hoàn thiện kiến thức và ứng dụng vào việc giảng dạy ngoại ngữ tiếng Trung Quốc.

17. Học phần: NGÔN NGỮ HỌC VĂN HOÁ TRUNG QUỐC

- Số tín chỉ: 03

- Mã học phần: 08LPTQ2015

- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành – Tự chọn

- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không

- Nội dung:

Học phần Ngôn ngữ học văn hóa Trung Quốc là học phần tự chọn nằm trong nhóm học phần nền tảng, được giảng dạy vào học kỳ 3 (học kỳ 1, năm 2) của chương trình đào tạo cao học chuyên ngành Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Trung Quốc. Học phần bao gồm 8 chương với các nội dung giới thiệu về mối quan hệ mật thiết giữa ngôn ngữ Trung Quốc và văn hóa Trung Quốc, cụ thể là mối quan hệ giữa ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp tiếng Trung Quốc với văn hóa Trung Quốc. Trong phạm vi học phần này, chủ yếu mở rộng đi sâu vào các vấn đề như sự ảnh hưởng của văn hóa Trung Quốc đối với từ vựng trong tiếng Trung Quốc, cách vận dụng phối hợp yếu tố văn hóa và ngôn ngữ trong việc dạy tiếng Trung Quốc và phiên dịch từ tiếng Trung Quốc sang tiếng Việt tại Việt Nam.

18. Học phần: GIAO TIẾP XUYỀN VĂN HÓA

- Số tín chỉ: 02

- Mã học phần: 08LPTQ2016

- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành – Tự chọn

- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không

- Nội dung:

Học phần Giao tiếp xuyên văn hóa là học phần tự chọn nằm trong nhóm học phần nền tảng, được giảng dạy vào học kỳ 1 (học kỳ 1, năm 1) của chương trình đào tạo cao học chuyên ngành Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Trung Quốc. Nội dung ngoài những khái niệm chung về kiến thức tổng quát và phương pháp tiếp cận văn hóa phi ngôn ngữ, môn học này còn cung cấp cho học viên những kiến thức tổng thể về những giá trị quan và văn hóa trong giao tiếp ngôn ngữ trong tiếng Trung. Đặc biệt là vấn đề xuyên văn hóa trong giao tiếp tiếng Trung và việc dạy văn hóa trong giảng dạy tiếng Trung như là ngôn ngữ thứ hai.

19. Học phần: LỊCH SỬ PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY NGOẠI NGỮ

- Số tín chỉ: 03

- Mã học phần: 08LPTQ2017

- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành – Tự chọn

- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không

- Nội dung:

Học phần này gồm 6 phần, thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành tự chọn. Người học sẽ được giới thiệu về các trường phái giảng dạy ngoại ngữ và sự phát triển trong suốt chiều dài lịch sử của nó. Học phần này giúp học viên có khả năng nhận diện các vấn đề trong học thuật và có tư duy phản biện một cách khoa học; khả năng vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề nghiên cứu chuyên ngành một cách hiệu quả.

20. Học phần: PHÂN TÍCH VÀ QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC TIẾNG TRUNG QUỐC

- Số tín chỉ: 02

- Mã học phần: 08LPTQ2018

- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành – Tự chọn

- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không

- Nội dung:

Học phần có 7 phần lý thuyết và 1 phần thực hành. Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn. Thông qua học phần, người học lĩnh hội được những vấn đề cơ bản về phân tích và quản lý chương trình trong dạy học tiếng Trung Quốc, phân tích được các cách tiếp cận, mô hình quản lý phát triển chương trình dạy học tiếng Trung Quốc. Từ đó, vận dụng các lý thuyết về phát triển chương trình đề xuất xây

dựng, phát triển, quản lý chương trình dạy học tiếng Trung Quốc trong môi trường giáo dục đại học.

21. Học phần: XÂY DỰNG VÀ PHÂN TÍCH KẾ HOẠCH BÀI DẠY BỘ MÔN TIẾNG TRUNG QUỐC

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần: 08LPTQ2019
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành – Tự chọn
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần này có năm nội dung lớn là: phần thứ nhất, Nội dung giảng dạy; phần thứ hai, Phương pháp giảng dạy; phần thứ ba, Tài nguyên và sự đánh giá; phần thứ tư, Quản lý dạy học; phần thứ năm, Văn hóa và giao tiếp xuyên văn hóa.

Đây là nhóm kiến thức thuộc học phần tự chọn trong nhóm kiến thức chuyên ngành. Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể tăng cường tính tự chủ trong quản lý và phát triển chuyên môn của mình nhằm nâng tầm kiến thức chuyên môn và quản lý chuyên môn để phục vụ tốt và hiệu quả công tác giảng dạy.

22. Học phần: PHƯƠNG PHÁP LUẬN GIẢNG DẠY NGÔN NGỮ THỨ HAI

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 08LPTQ2020
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành – Tự chọn
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần Phương pháp luận giảng dạy ngôn ngữ thứ hai là học phần **tự chọn** nằm trong khối kiến thức chuyên ngành, được giảng dạy trong chương trình đào tạo sau đại học. Học phần cung cấp những kiến thức về phương pháp luận giảng dạy ngôn ngữ thứ hai, bao gồm: tổng quan về giảng dạy ngôn ngữ thứ hai; giảng dạy các môn có yếu tố văn hoá và ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, Hán tự...); giảng dạy các môn học thuộc kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết); những lý luận liên quan đến thụ đắc ngôn ngữ thứ hai, phương pháp & cách đánh giá ra đề thi... Trên cơ sở này, người học vận dụng được các kiến thức về lý luận phương pháp giảng dạy ngôn ngữ thứ hai

phục vụ các mục đích xã hội, học thuật và chuyên môn và đặc biệt trong công tác giảng dạy.

23. CHUYÊN ĐỀ NGHIÊN CỨU 1

- Số tín chỉ: 04
- Mã học phần: 08LPTQ3001
- Khối học phần: Chuyên đề nghiên cứu
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không

24. CHUYÊN ĐỀ NGHIÊN CỨU 2

- Số tín chỉ: 04
- Mã học phần: 08LPTQ3002
- Khối học phần: Chuyên đề nghiên cứu
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không

25. CHUYÊN ĐỀ NGHIÊN CỨU 3

- Số tín chỉ: 04
- Mã học phần: 08LPTQ3003
- Khối học phần: Chuyên đề nghiên cứu
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không

26. LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP

- Số tín chỉ: 15
- Mã học phần: 08LPTQ5001
- Khối học phần: luận văn/ đề án/ dự án tốt nghiệp
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung: Người học thực hiện luận văn tốt nghiệp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

7. DANH SÁCH GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

7.1. Danh sách giảng viên cơ hữu

T T	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Định hướng nghiên cứu	Học phần sẽ giảng dạy
1	Nguyễn Thị Quỳnh Vân	GV,TS	NNH đối chiếu	NNH đối chiếu	Đối chiếu NN Trung-Việt

2	Nguyễn Thị Minh Hồng	GV,TS	Văn học TQ	Văn học TQ, tiếng Hán hiện đại	Văn học Trung Quốc, tiếng TQ cổ đại
3	Nguyễn Phước Lộc	GVC,TS	NNH&NN H ứng dụng	NNH&NN H ứng dụng	Từ vựng học tiếng TQ
4	Châu A Phí	GV,TS	NNH&NN H ứng dụng	NNH&NN H ứng dụng	Ngữ pháp học tiếng TQ
5	Trần Khai Xuân	GVC,TS	Giáo dục học	Giáo dục học	Đánh giá và phát triển giáo trình giảng dạy tiếng Trung Quốc, Phân tích và quản lý chương trình dạy học bộ môn tiếng Trung Quốc
6	Vương Huệ Nghi	GV,TS	NNH&NN H ứng dụng	NNH&NN H ứng dụng	Ngữ âm-văn tự tiếng TQ
7	Lý Gia Yến	GV,TS	Giáo dục học	Giáo dục học	PP luận giảng dạy NN thứ hai
8	Vương Khương Hải	GV,TS	NNH&NN H ứng dụng	NNH&NN H ứng dụng	Quá trình thụ đắc ngôn ngữ thứ hai
9	Tô Phương Cường	GV,TS	NNH&NN H ứng dụng	NNH&NN H ứng dụng	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành
10	Bùi Thị Mai Hương	GV,TS	NNH&NN H ứng dụng	NNH&NN H ứng dụng	Tu từ học tiếng TQ
11	Nguyễn Thị Như Quỳnh	TS	GDH	GDH	Đạo đức nghiên cứu khoa học
12	Nguyễn Ngọc Khả	PGS.TS	Triết học	Triết học	Triết học

7.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Định hướng nghiên cứu	Học phần sẽ giảng dạy
1	Hồ Minh Quang	GV,TS	NNH&NNH ứng dụng	NNH&NNH ứng dụng	PP giảng dạy các kỹ năng ngôn ngữ tiếng TQ
2	Lưu Hón Vũ	GV,TS	NNH&NNH ứng dụng	NNH&NNH ứng dụng	Ngôn ngữ học đại cương
3	Nguyễn Hoàng Anh	PGS.TS	NNH&NNH ứng dụng	NNH&NNH ứng dụng	PP giảng dạy các biến diện ngôn ngữ tiếng TQ
4	Nguyễn Văn Khang	GS.TS	Ngôn ngữ học	Ngôn ngữ học	Đối chiếu NN Trung-Việt

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY - HỌC TẬP

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh có:

- 01 Hội trường B với sức chứa hơn 900 người, đáp ứng việc tổ chức các sự kiện lớn, các hoạt động học tập, sinh hoạt chính trị, phổ biến quy chế, tổ chức các buổi tiếp nhận ý kiến đóng góp và giải đáp thắc mắc của sinh viên, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ của viên chức, sinh viên.

- 01 Nhà thi đấu và 01 Nhà luyện tập thể dục thể thao với sức chứa gần 300 người, đáp ứng nhu cầu học tập, tập luyện, thi đấu thể dục thể thao của viên chức, sinh viên.

- 08 Giảng đường (A103, A113, A303, A303, GĐ D, GD 18, GĐ 19, GĐA) với sức chứa gần 200 người, phù hợp với việc tổ chức giảng dạy nhiều học phần lý thuyết, tổ chức sinh hoạt sinh viên, thi nghiệp vụ sư phạm.

- 162 phòng học lý thuyết với sức chứa trung bình 50 người/phòng, đáp ứng việc tổ chức giảng dạy và tổ chức thi các học phần.

- 37 phòng máy vi tính hiện đại, đáp ứng nhu cầu học tập Công nghệ thông tin.

- 09 phòng học thông minh (B605, C401, C403, C405, C406, C407, C501, C503, C506) với hệ thống bảng tương tác.

- 32 phòng thực hành, thí nghiệm

- Phòng thí nghiệm Cơ – Nhiệt;

- Phòng thí nghiệm Điện – Quang;

- Phòng thí nghiệm Vật lý đại cương nâng cao;
- Phòng thí nghiệm Thực hành Vật lý phổ thông;
- Phòng thí nghiệm Điện kỹ thuật;
- Phòng thí nghiệm Vô tuyến điện;
- Phòng thí nghiệm Vật lý hạt nhân;
- Phòng máy tính hiệu năng cao;
- Hệ thống mạng internet phủ toàn trường, phát wifi miễn phí cho người học truy cập mạng, đăng kí, học tập trực tuyến qua các thiết bị cá nhân.
- Tất cả các phòng học lí thuyết đều được trang bị hệ thống âm thanh, máy chiếu.
- Trung tâm Tin học, Trung tâm Ngoại ngữ, Tổ Nữ công của Trường thường xuyên cập nhật chương trình, có chế độ miễn giảm học phí, khuyến khích người học học tập.
- Thư viện Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh có hàng chục nghìn đầu sách, giáo trình, tài liệu học tập, nghiên cứu; không chỉ kết nối, liên kết với hệ thống thư viện toàn quốc mà còn hợp tác với thư viện của nhiều trường đại học ở nước ngoài.
- Tài liệu, cơ sở dữ liệu: Thư viện, tủ sách khoa, cơ sở dữ liệu sách điện tử của khoa.

9. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Để thực hiện chương trình này:

- Cán bộ quản lý phải đảm bảo cơ sở vật chất phù hợp, mở các lớp học đúng kế hoạch và đủ số lượng để sinh viên có thể hoàn thành chương trình trong thời hạn quy định.
- Giảng viên phải cung cấp chương trình chi tiết học phần kèm hình thức tổ chức dạy-học, cách thức đánh giá cho người học ngay buổi học đầu tiên. Cần lưu ý nội dung hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu đối với sinh viên để họ hoàn thành khối lượng kiến thức bài học theo yêu cầu tín chỉ (các vấn đề, các câu hỏi, bài tập, yêu cầu của giảng viên đối với các vấn đề đó).
- Người học phải tham khảo ý kiến cố vấn học tập để lựa chọn đúng học phần, biết tự tìm hiểu và xác định chương trình học tập, tự giác trong tự học, tự lên kế hoạch và lập thời gian biểu cho quá trình học tập.
- Các yêu cầu cần đảm bảo khi thực hiện chương trình xây dựng theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực cho người học:
 - Tập trung vào dạy cách học và rèn luyện năng lực tự học cho người học.
 - Tinh giản lý thuyết, gắn lý thuyết với thực tiễn, tăng cường thực hành, thảo luận, học tập theo nhóm.

- Cần chú ý việc vận dụng các kiến thức vào giải quyết những vấn đề cụ thể, sát thực với cuộc sống.

- Phối hợp sử dụng kết quả đánh giá trong quá trình học với đánh giá cuối học phần, đánh giá của người dạy với tự đánh giá của người học.

- Đa dạng hóa các hình thức đánh giá, tăng cường đánh giá bằng hình thức vấn đáp hoặc thông qua các hoạt động thực hành, thuyết trình và các sản phẩm như báo cáo đánh giá, báo cáo tổng kết, tiểu luận, ...

- Đảm bảo tính hợp lý giữa lý thuyết và thực hành, giúp cho người học phát triển đầy đủ phẩm chất và năng lực để thực hiện hiệu quả các hoạt động giáo dục và dạy học.

- Triển khai thực hiện việc dạy học linh hoạt, đáp ứng nhu cầu cá nhân và kế hoạch học tập của người học nhưng phải đảm bảo tính khoa học của cấu trúc chương trình đào tạo.

- Bao quát, tích hợp được những tình huống học tập đa dạng thường xảy ra trong trường sư phạm và trường phổ thông.

	<i>Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022</i> HIỆU TRƯỞNG Huỳnh Văn Sơn
--	---